

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ S
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11 – 9 – 2023

*V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phước

Ông Đào Khel

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 247/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Minh T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số nhà 8, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (vắng mặt - do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Nhứt H, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp S, xã Ph, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt - do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Trịnh Mỹ T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số nhà 04, đường Đ, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: Số nhà 250, đường M, Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt - do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 11 năm 2022 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 18 tháng 11 năm 2022, nguyên đơn ông Huỳnh Minh T trình bày:

Ông và bà Trịnh Mỹ T kết hôn với nhau vào năm 2020 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Đến tháng 10/2021, ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Ông bà sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian chung sống, ông bà sinh được 01 (một) người con chung tên Huỳnh Minh T, sinh ngày 17/3/2021. Hiện nay cháu Huỳnh Minh T đang sống chung với bà Trịnh Mỹ T. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại đơn khởi kiện và đơn xin xét xử vắng mặt, ông Huỳnh Minh T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông yêu cầu ly hôn với bà Trịnh Mỹ T.
- Về con chung: Ông đồng ý giao cháu Huỳnh Minh T cho bà Trịnh Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 11 tháng 7 năm 2023 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 07 tháng 9 năm 2023, bị đơn bà Trịnh Mỹ T trình bày:

Bà và ông Huỳnh Minh T kết hôn với nhau vào năm 2020. Ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian chung sống ông bà sinh được 01 (một) người con chung tên Huỳnh Minh T, sinh ngày 17/3/2021. Thời gian đầu, cuộc sống hôn nhân của ông bà hạnh phúc. Đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và do cha mẹ chồng không vừa ý bà. Đối với yêu cầu xin ly hôn của ông Huỳnh Minh T thì bà đồng ý. Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Huỳnh Minh T và không yêu cầu ông Huỳnh Minh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại đơn xin xét xử vắng mặt và văn bản trình bày ý kiến ngày 07 tháng 9 năm 2023, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Nhựt H trình bày:

Ông Huỳnh Minh T và bà Trịnh Mỹ T kết hôn với nhau vào năm 2020 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre. Do bất đồng quan điểm sống nên từ tháng 10/2021, ông bà đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Xét thấy quan hệ hôn nhân của ông Huỳnh Minh T và bà Trịnh Mỹ T đã mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến việc không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trịnh Mỹ T cũng thống nhất với yêu cầu xin ly hôn của ông Huỳnh Minh T. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, chấp nhận cho ông Huỳnh Minh T ly hôn với bà Trịnh Mỹ T. Về con chung: Ông Huỳnh Minh T và bà Trịnh Mỹ T thống nhất giao con chung cho bà Trịnh Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng và ông Huỳnh Minh T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà đều thống nhất không yêu cầu giải quyết. Từ những phân tích

trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Minh T.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Minh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 18 tháng 11 năm 2022, nguyên đơn ông Huỳnh Minh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết về nuôi con khi ly hôn với bà Trịnh Mỹ T. Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án bà Trịnh Mỹ T cư trú tại thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân thành phố S thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn ông Huỳnh Minh T, bị đơn bà Trịnh Mỹ T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Nhựt H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 235 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Huỳnh Minh T, bà Trịnh Mỹ T, ông Lê Nhựt H và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[3] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Minh T:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Minh T và bà Trịnh Mỹ T tự nguyện kết hôn vào năm 2020 và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/3/2020 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Huỳnh Minh T và bà Trịnh Mỹ T là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình, ông Huỳnh Minh T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Xét lý do yêu cầu ly hôn, ông Huỳnh Minh T cho rằng: Sau thời gian chung sống hạnh phúc, đến năm 2021, ông bà phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, cuộc sống chung của vợ chồng không được hạnh phúc. Ông bà không hàn gắn được tình cảm nên đã sống ly thân với nhau từ tháng 10/2021. Tại biên bản lấy lời

khai ngày 11/7/2023 và đơn xin vắng mặt tham gia xét xử ngày 07/9/2023, bà Trịnh Mỹ T thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân, ông bà phát sinh mâu thuẫn nhưng nguyên do là cha mẹ chồng không vừa ý bà. Đối với yêu cầu xin ly hôn của ông Huỳnh Minh T thì bà đồng ý. Xét lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa ông Huỳnh Minh T và bà Trịnh Mỹ T trong thời gian chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân với nhau trong một thời gian dài mà không hàn gắn lại được tình cảm, hiện tại ông bà cũng sinh sống ở hai nơi khác nhau. Mặt khác sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông Huỳnh Minh T và bà Trịnh Mỹ T không đến tham gia hòa giải và ông bà thống nhất ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của ông Huỳnh Minh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Huỳnh Minh T được ly hôn với bà Trịnh Mỹ T.

[3.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông bà sinh được 01 (một) người con chung là Huỳnh Minh T, (nam, sinh ngày 17/3/2021). Ông Huỳnh Minh T yêu cầu sau khi ly hôn, bà Trịnh Mỹ T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Minh T cho đến khi cháu thành niên và ông không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, tại đơn xin vắng mặt xét xử ngày 07/9/2023, bà Trịnh Mỹ T cũng thống nhất với yêu cầu của ông Huỳnh Minh T. Hiện tại cháu Huỳnh Minh T đang sống chung với bà Trịnh Mỹ T, việc giao cháu cho bà Trịnh Mỹ T nuôi dưỡng sẽ đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu. Do đó Hội đồng xét xử quyết định cho bà Trịnh Mỹ T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Huỳnh Minh T cho đến khi cháu Huỳnh Minh T thành niên (đủ 18 tuổi).

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trịnh Mỹ T khẳng định đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Huỳnh Minh T và không yêu cầu ông Huỳnh Minh T cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, ông Huỳnh Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3.4] Về tài sản chung: Ông Huỳnh Minh T và bà Trịnh Mỹ T xác định trong thời gian chung sống, ông bà không tạo lập tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.5] Về nợ chung: Ông Huỳnh Minh T và bà Trịnh Mỹ T xác định ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Huỳnh Minh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn. Bà Trịnh Mỹ T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Minh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Minh T và bà Trịnh Mỹ T được ly hôn.
2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trịnh Mỹ T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Huỳnh Minh T (nam, sinh ngày 17/3/2021) cho đến khi cháu Huỳnh Minh T thành niên (đủ 18 tuổi).
- Ông Huỳnh Minh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung. Ông Huỳnh Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cháu Huỳnh Minh T mà không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung: Ông Huỳnh Minh T và bà Trịnh Mỹ T xác định trong thời gian chung sống, ông bà không tạo lập tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.
4. Về nợ chung: Ông Huỳnh Minh T và bà Trịnh Mỹ T xác định ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.
5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Minh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007762 ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Ông Huỳnh Minh T đã nộp xong án phí. Bà Trịnh Mỹ T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.
6. Về quyền kháng cáo bản án: Ông Huỳnh Minh T và bà Trịnh Mỹ T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.
7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố S;
- CC THADS thành phố S;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ H,
- huyện T, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Lệ Hằng